

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương  
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và  
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

---

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04/10/2002 của Chính phủ  
về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC, ngày 08/02/2017 của Bộ Tài  
chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác  
qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách  
khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Bãi bỏ Quyết định số 1071/QĐ-UBND, ngày 18/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh

và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh Vĩnh Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTBXH;
- Tổng Giám đốc NHCSXH VN;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Phòng VHXX;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lữ Quang Ngời**

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua  
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và  
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020*

*của UBND tỉnh Vĩnh Long*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Cấp tỉnh: UBND tỉnh; Chi nhánh NHCSXH tỉnh; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh; các sở, ban, ngành khác được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Cấp huyện: UBND huyện; Phòng giao dịch NHCSXH huyện, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

c) UBND cấp xã.

d) Các tổ chức chính trị – xã hội nhận ủy thác.

đ) Khách hàng vay vốn tại NHCSXH.

e) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp**

1. Cấp tỉnh: Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh.

Riêng đối với nguồn vốn cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh là Ban Dân tộc tỉnh.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh thêm chương trình cho vay có liên quan đến các sở, ban ngành khác thì tùy theo nội dung, mục đích của từng chương trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản ủy quyền cho cơ quan ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Cấp huyện: cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện là Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố.

#### **Điều 4. Quy trình chuyển kinh phí ngân sách địa phương bố trí hàng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và huyện quyết định chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cơ quan Tài chính cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND cùng cấp chuyển nguồn vốn sang NHCSXH cùng cấp để thực hiện cho vay.

Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

#### **Điều 5. Đối tượng cho vay**

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương ngoài quy định tại khoản 1 Điều này do Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định theo từng thời kỳ.

#### **Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay**

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương, UBND tỉnh quy định theo từng chương trình cụ thể.

#### **Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay**

UBND cấp tỉnh quyết định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay cho từng chương trình cụ thể trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.

#### **Điều 8. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay**

Thực hiện theo hướng dẫn của NHCSXH Việt Nam.

#### **Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Thẩm quyền gia hạn nợ: NHCSXH các cấp xem xét, quyết định gia hạn nợ theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

#### **Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg, ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý tối thiểu do Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích chi cho công tác chỉ đạo, quản lý tổng hợp, kiểm tra, giám sát khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được và được phân bổ như sau:

- Trích 10% số tiền lãi thu được dùng để chi cho việc khen thưởng và hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp.

- Trích 5% số tiền lãi thu được sử dụng cho công tác chỉ đạo, quản lý tổng hợp, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng,... của cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cùng cấp.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### **Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, cơ quan Tài chính, Kế hoạch cùng cấp và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định, thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định theo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro: Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết

định đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đối với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, NHCSXH cùng cấp báo cáo UBND cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cùng cấp.

4. Hàng năm Quỹ dự phòng rủi ro sau khi được sử dụng để xử lý nợ, phần còn lại được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

### **Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ hàng quý, trước ngày 15 của tháng đầu tiên hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ hàng quý, trước ngày 10 của tháng đầu tiên hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện và cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

### **Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH, theo đúng quy định pháp luật.

## **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan được UBND tỉnh, UBND cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp**

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả về UBND cùng cấp.

2. Chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

3. Cung cấp danh sách đối tượng thụ hưởng của từng chương trình cho vay để làm căn cứ cho NHCSXH nơi cho vay xét duyệt.

**Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện**

Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cùng cấp tham mưu, đề xuất với UBND cùng cấp:

1. Bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn kịp thời theo dự toán hàng năm (nếu có) cho NHCSXH để thực hiện các chương trình cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; thực hiện kiểm tra kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

2. Tham gia thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với những trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

3. Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này.

**Điều 16. Trách nhiệm của NHCSXH cấp tỉnh và cấp huyện**

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

3. Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.



4. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cùng cấp về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.

**Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác**

1. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.
2. Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

**Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình phối hợp với Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

1. Xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.
2. Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị – xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.
3. Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

**Điều 20. Trách nhiệm của người vay**

1. Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
3. Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định./.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lữ Quang Ngời**